

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ YÊN BÁI  
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/TCLĐ - ST

Ngày: 25-9 -2020.

“V/v: Tranh chấp về bảo hiểm xã hội”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI – TỈNH YÊN BÁI**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Độ.

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Thanh Vân và bà Phạm Thị Tuyết.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thái Hà - Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái.

*Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thu Huyền. Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 02/2020/TLST-LĐ ngày 04 tháng 6 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp Bảo hiểm xã hội*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03 /2020/TBXX-TA ngày 03 tháng 8 năm 2020 và thông báo mở lại phiên tòa số: 08/2020/TB-XX ngày 15-9-2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị T; địa chỉ: Tổ 06, thị trấn N, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Trần Quốc T; địa chỉ: Tổ 05, thị trấn N, huyện V, tỉnh Yên Bái. Có mặt

- *Bị đơn:* Bảo hiểm xã hội tỉnh Yên Bái; địa chỉ trụ sở: Tổ 02, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Trí Đ – chức vụ - Giám đốc

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Dương Đình C– chức vụ - Phó giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh Yên Bái. Có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Công ty cổ phần chè Liên Sơn

Địa chỉ trụ sở: Thị trấn N, huyện V, tỉnh Yên Bái.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Phạm Văn T– chức vụ - Giám đốc. Vắng mặt có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 15-7-2020 bản tự khai của nguyên đơn, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Quốc T trình bày:*

Khoảng tháng 03 năm 1983, bà Phạm Thị T được Xí nghiệp nông công nghiệp Chè Nông trường Liên Sơn (nay là Công ty cổ phần Chè Liên Sơn), huyện V, tỉnh Yên Bái tuyển vào lao động tại xí nghiệp, vị trí công tác của bà T là công nhân bậc 3, bà T tham gia lao động tại xí nghiệp đến tháng 5 năm 1996 thì nghỉ việc và giám đốc Xí nghiệp chè Liên Sơn ký quyết định cho nghỉ việc số: 294 ngày 15 tháng 5 năm 1998.

Thời hạn công tác của bà tại Xí nghiệp là 13 năm. Trong quá trình làm việc tại Xí nghiệp bà đã đóng Bảo hiểm xã Hội đầy đủ không thiếu tháng nào. Số tiền đóng Bảo hiểm hoàn toàn do Xí nghiệp trích từ tiền lương của bà T.

Năm 1998 bà T đã nhận được Quyết định về việc hưởng trợ cấp một lần của Bảo hiểm xã Hội tỉnh Yên Bái số: 637/QĐ ngày 25 tháng 7 năm 1998. Thời gian làm việc có đóng Bảo hiểm là 10 năm 02 tháng, số tiền hưởng trợ cấp một lần là 10 tháng theo quyết định của Bảo hiểm là:  $222.696 \text{ đồng} \times 10 \text{ tháng} = 2.226.960$ ; nơi trợ cấp là Xí nghiệp NCN Chè Liên Sơn. Số tiền trợ cấp Bảo hiểm một lần bà T đã được nhận đủ.

Nhưng căn cứ trên thực tế khoản tiền bà T được hưởng mà Bảo hiểm không chi trả là các khoản tiền sau:

- Tiền phụ cấp khu vực: Theo quy định năm 1998 là  $140.000 \text{ đồng} \times 0,2\%$  (phụ cấp khu vực) = 28.000 đồng, như vậy Bảo hiểm tỉnh Yên Bái phải chi trả cho bà khoản tiền phụ cấp khu vực là  $28.000 \text{ đồng} \times 10 \text{ tháng} = 280.000 \text{ đồng}$ .

Theo mức lương cơ bản của nhà nước quy định năm 2020 là  $1.490.000 \text{ đồng} \times 0,2\% = 298.000 \text{ đồng} \times 10 \text{ tháng} = 2.980.000 \text{ đồng}$ .

Tiền lương khoán: Theo quy định của nhà nước tại thời điểm năm 1998 là  $140.000 \text{ đồng} \times 1,04\% = 145.600 \text{đ} \times 10 \text{ tháng} = 1.456.000 \text{ đồng}$ .

Theo mức lương cơ bản của nhà nước quy định năm 2020 là  $1.490.000 \text{ đồng} \times 1,04\% = 1.549.600 \text{ đồng} \times 10 \text{ tháng} = 15.496.000 \text{ đồng}$ .

Nay bà yêu cầu buộc Bảo hiểm xã hội phải thanh toán trả cho bà là:

\*) Khoản tiền phụ cấp khu vực là : 2.980.000 đồng.

\*) Khoản tiền lương khoán là: 15.496.000 đồng

Tổng cộng là: 18.476.000 đồng, theo mức lương cơ sở hiện nay.

\*) Yêu cầu Bảo hiểm xã Hội tỉnh Yên Bái tính đủ thời gian công tác cho bà T là 13 năm và chi trả bảo hiểm thêm ba năm nữa cho bà T.

- *Tại các bản tự khai quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn Bảo hiểm xã hội (BHXH) người đại diện theo ủy quyền ông Dương Đình C trình bày:*

Thời gian bà Phạm Thị T công tác tại Xí nghiệp Nông công nghiệp chè Liên Sơn huyện V, tỉnh Yên Bái là từ tháng 11/1983 đến 31/12/1993, tổng thời gian công tác là 10 năm 02 tháng mức lương đóng BHXH bậc 2, bậc 3 nhóm I, bảng lương A16.

Ngày 15/5/1998, Xí nghiệp Nông công nghiệp chè Liên Sơn ban hành Quyết định số 294 cho bà Phạm Thị T nghỉ việc để hưởng chế độ BHXH. Tại Điều 2 có nêu rõ “*Chế độ một lần của bà Phạm Thị T do BHXH tỉnh Yên Bái giải quyết theo quy định của pháp luật BHXH hiện hành*”. Kèm theo tài liệu của bà T đề nghị thanh toán chế độ BHXH một lần gồm: Bản khai quá trình tham gia BHXH của bà Phạm Thị T; đơn xin thanh toán nghỉ chế độ một lần của bà T ngày 27/6/1998; phiếu thăm định hồ sơ đề nghị xét hưởng chế độ BHXH ngày 15/5/1998 của Xí nghiệp Nông công nghiệp chè Liên Sơn; Công văn số 37/CLS ngày 25/5/1998 của Xí nghiệp Nông công nghiệp chè Liên Sơn đều thể hiện bà Phạm Thị T công tác tại Xí nghiệp chè Liên Sơn là 10 năm 02 tháng.

Ngày 25/7/1998, BHXH tỉnh Yên Bái ban hành Quyết định số 637/QĐ Quyết định về việc hưởng trợ cấp một lần đối với bà Phạm Thị T với tổng thời gian công tác từ tháng 11/1983 đến 31/12/1993 (10 năm 02 tháng) với mức lương từ tháng 01/1989 - 9/1991 (33 tháng) đóng BHXH ở bậc 2 và từ tháng 10/1991 đến 12/1993 (27 tháng) đóng BHXH ở bậc 3 nhóm I bảng lương A.16.

Căn cứ vào các văn bản của pháp luật hướng dẫn về cách tính trợ cấp 1 lần cho người lao động thể hiện: Đối với người đóng bảo hiểm xã hội theo các mức tiền lương tháng trong các hệ thống thang lương, bảng lương do Nhà nước quy định thì thực hiện cách tính dưới đây: Mức bình quân của tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội = tổng số tiền lương làm căn cứ đóng BHXH của 60 tháng (05 năm cuối) trước khi nghỉ hưu : 60 tháng cụ thể:

+ Từ tháng 01/1989 - 9/1991 (33 tháng), hệ số lương là 1.47, lương tối thiểu chung tại thời điểm nghỉ 144.000 đồng  $(1.47 \times 33) \times 144.000 = 6.985.440$  đồng.

+ Từ tháng 10/1991 - 12/1993 (27 tháng), hệ số lương là 1.64;  $(1.64 \times 27) \times 144.000 = 6.376.320$  đồng.

+ Tiền lương bình quân 1 tháng để tính hưởng trợ cấp 1 lần là:  $(6.985.440 + 6.376.320)/60 \text{ tháng} = 222.696$  đồng.

Bà T có 10 năm 02 tháng được hưởng 10 tháng lương  $(222.696đ \times 10 \text{ tháng} = 2.226.960 \text{ đồng})$

Việc giải quyết chế độ cho bà T được thực hiện theo Điều lệ BHXH ban hành kèm theo Nghị định số 12/CP ngày 26/01/1995 của Chính phủ. BHXH tỉnh Yên Bái đã thực hiện đúng theo chế độ hiện hành mà Nhà nước quy định tại thời điểm giải quyết chế độ trợ cấp một lần cho bà T theo đúng quy định.

Bà T đề nghị BHXH tỉnh chi trả các khoản tiền còn thiếu, cụ thể:

1. Tiền phụ cấp khu vực 10 tháng số tiền là: 2.980.000 đồng không có cơ sở và không đúng quy định của pháp luật. Vì tại thời điểm bà T đề nghị giải quyết trợ cấp một lần là năm 1998, căn cứ theo Điều lệ BHXH năm 1995 ban hành kèm theo Nghị định số 12/CP ngày 26/01/1995 của Chính phủ không quy định việc chi trả trợ cấp khu vực. Theo quy định tại khoản 1, Điều 2 quy định: “*Người lao động nghỉ việc đủ điều kiện hưởng lương hưu hoặc hưởng bảo hiểm xã hội một lần kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2007 trở đi, mà trước đó đã có thời gian đóng bảo hiểm xã*

*hội bao gồm phụ cấp khu vực, thì ngoài hưởng lương hưu hoặc bảo hiểm xã hội một lần theo quy định còn được hưởng trợ cấp một lần tương ứng với thời gian và số tiền phụ cấp khu vực đã đóng bảo hiểm xã hội”. Vậy bà T nghỉ hưởng trợ cấp một lần tại thời điểm tháng 7/1998 là chưa có quy định này, nên không được áp dụng tại thời điểm làm trợ cấp một lần cho bà T.*

2. Tiền lương khoán 10 tháng số tiền là 15.496.000 đồng không có cơ sở và không đúng quy định của pháp luật. Theo quy định tại Điều 28 Điều lệ BHXH năm 1995 quy định “*cứ mỗi năm đóng BHXH được tính bằng 1 tháng mức bình quân của tiền lương tháng làm căn cứ đóng BHXH ...*”. Tại thời điểm nghỉ trợ cấp một lần bà T có tổng số năm công tác là 10 năm 02 tháng được hưởng 10 tháng lương. BHXH tỉnh đã giải quyết trợ cấp một lần cho bà T 10 tháng lương với số tiền **2.226.960** đồng là đúng quy quy định. Đối với khoản tiền lương khoán là không thuộc chế độ bảo hiểm thanh toán cho người lao động nghỉ chế độ một lần hoặc nghỉ hưu.

3. Tại phiên tòa ông Trần Quốc T đề nghị BHXH tính cho bà T 13 năm công tác là từ năm 1983 đến năm 1996 là không có cơ sở, căn cứ đơn, tài liệu của Xí nghiệp chè Liên Sơn cung cấp cho BHXH thể hiện bà T có thời gian công tác tại Xí nghiệp chè Liên Sơn là 10 năm 02 tháng.

Nay bà T đề nghị Tòa án giải quyết buộc bảo hiểm xã hội phải thanh toán tiền phụ cấp khu vực và tiền lương khoán và tính thêm ba năm cho bà T là không có căn cứ, không đúng quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị HĐXX xem xét giải quyết vụ án tranh chấp về BHXH đúng theo quy định pháp luật.

- *Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đại diện theo pháp luật ông Phạm Văn T trình bày.*

Bà Phạm Thị T tham gia lao động tại Xí nghiệp Nông công nghiệp chè Liên Sơn (nay là Công ty cổ phần chè Liên Sơn) từ tháng 11-1983 đến ngày 31-12-1993 thì nghỉ. Thời gian bà T tham gia lao động sản xuất tại công ty là 10 năm 02 tháng. Từ tháng 01-1994, bà T không còn là công nhân lao động tại công ty nữa. Thời gian bà T lao động tại công ty cũng là thời gian làm căn cứ để tính chế độ bảo hiểm xã hội cho bà T. Khi bà T nghỉ việc là năm 1993 không yêu cầu Bảo hiểm xã hội tỉnh Yên Bái làm chế độ nghỉ một lần ngay mà đến năm 1998 bà T mới có yêu cầu đối với Bảo hiểm xã hội tỉnh Yên Bái.

Đại diện Công ty cổ phần chè Liên Sơn có ý kiến đối với các yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T như sau:

- Đối với yêu cầu được chi trả trợ cấp một lần bao gồm cả phụ cấp khu vực là 0,2 là không có cơ sở, vì tại thời điểm bà T nghỉ việc được hưởng chế độ trợ cấp 1 lần vào năm 1994 không có văn bản pháp luật nào quy định về việc trả bảo hiểm đối với khoản tiền trợ cấp khu vực. Đây là vấn đề thuộc thẩm quyền của Bảo hiểm xã hội tỉnh Yên Bái giải quyết chế độ đối với người lao động.

- Đối với yêu cầu chi trả chế độ đối với lương khoán của bà T là không có cơ sở. Vì Doanh nghiệp và người lao động đóng bảo hiểm xã hội căn cứ trên mức lương cơ bản theo thang bậc lương chứ không căn cứ trên mức lương khoán và đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Đối với thời gian công tác: Bà T yêu cầu BHXH tính thời gian công tác là 13 năm là không đúng. Thời gian công tác của bà T từ tháng 11/1983 đến

31/12/1993. Từ tháng 1 năm 1994 đến năm 1998 bà T đã không còn là công nhân của công ty và bà T không tham gia đóng BHXH tại doanh nghiệp.( Danh sách lao động và quỹ tiền lương trích nộp bảo hiểm xã hội năm 1995 của Xí nghiệp NCN chè Liên Sơn không có tên bà T ).

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đúng với quy định của luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án, cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, các thành viên của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các quyền của đương sự đã được bảo đảm.

+ Về nội dung: Đề nghị HĐXX bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Bảo hiểm xã hội tỉnh Yên Bái trả cho bị đơn các khoản tiền: Trợ cấp khu vực, tiền lương khoán và thời gian công tác cho bà T là không có căn cứ pháp luật.

Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, miễn nộp tiền án phí cho nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Bị đơn là Bảo hiểm xã hội tỉnh Yên Bái có trụ sở tại Tổ 02, phường Yên Thịnh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thời hiệu khởi kiện: Từ khi bà T nhận chế độ trợ cấp một lần vào năm 1998, bà T không có yêu cầu hoặc khiếu nại cơ quan nào có thẩm quyền giải quyết chế độ của bà. Đến tháng 01/2020 bà T mới phát hiện ra quyền lợi của mình bị xâm phạm, và khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, vụ án còn thời hiệu khởi kiện theo quy định của Điều 202 Bộ luật Lao động.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông Phạm Văn T.

[2] Về yêu cầu nguyên đơn, yêu cầu Bảo hiểm xã hội tỉnh Yên Bái phải trả cho bà Phạm Thị T hai khoản tiền gồm: Tiền phụ cấp khu vực, tiền lương khoán, xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị T, HĐXX xét thấy:

- Đối với khoản tiền phụ cấp khu vực: Nguyên đơn bà Phạm Thị T yêu cầu bị đơn Bảo hiểm xã hội tỉnh phải thanh toán số tiền là 2.980.000 đồng: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thì việc bà Phạm Thị T nghỉ việc thuộc diện được hưởng chế độ trợ cấp một lần, tại thời điểm thanh toán chế độ Bảo hiểm cho bà T thì chưa có văn bản quy định về việc trả tiền trợ cấp khu vực. Năm 1995 Điều lệ Bảo hiểm xã hội mới ban hành, tại Điều 28, Điều 29 Điều lệ Bảo Hiểm xã hội (*ban hành kèm theo nghị định số 12/CP ngày 26 tháng 01 năm 1995*) cũng chưa quy định về việc chi trả tiền phụ cấp cho người lao động.

Ngày 04/12/2008 Chính phủ ban hành Nghị định số 122/2008/NĐ-CP về việc

thực hiện phụ cấp khu vực đối với người hưởng lương hưu, bảo hiểm xã hội một lần, trợ cấp mất sức lao động và trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hàng tháng, quy định tại khoản 1, Điều 2 như sau: “*Người lao động nghỉ việc đủ điều kiện hưởng lương hưu hoặc hưởng bảo hiểm xã hội một lần kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2007 trở đi, mà trước đó đã có thời gian đóng bảo hiểm xã hội bao gồm phụ cấp khu vực, thì ngoài hưởng lương hưu hoặc bảo hiểm xã hội một lần theo quy định còn được hưởng trợ cấp một lần tương ứng với thời gian và số tiền phụ cấp khu vực đã đóng bảo hiểm xã hội*”. Như vậy bà T nghỉ chế độ, hưởng trợ cấp một lần tại thời điểm tháng 12 năm 1994 là trường hợp không thuộc đối tượng áp dụng theo nghị định trên. Do đó yêu cầu của bà Phạm Thị T là không có căn cứ, nên HĐXX không chấp nhận.

- Đối với khoản lương khoán: Bà Phạm Thị T yêu cầu BHXH phải thanh toán số tiền là 15.496.000 đồng. Căn cứ điểm 6 mục 4 Thông tư 06 ngày 4-4-1995 hướng dẫn áp dụng Điều lệ bảo hiểm xã hội, và các tài liệu, chứng cứ do BHXH cung cấp, thì Bảo hiểm xã hội tỉnh Yên Bái chỉ thu theo thang bảng lương nhà nước quy định với mức lương từ tháng 01/1989 - 9/1991 (33 tháng) đóng BHXH ở bậc 2 và từ tháng 10/1991 đến 12/1993 (27 tháng) đóng BHXH ở bậc 3 nhóm I bảng lương A.16, lương tối thiểu chung. Tại thời điểm giải quyết lương tối thiểu chung là 144.000 đồng và khoản thu này được tính vào bình quân lương của 5 năm cuối trước khi nghỉ việc để tính trợ cấp, khi đóng bảo hiểm xã hội, người sử dụng lao động căn cứ vào mức lương cơ bản theo thang bậc lương, không căn cứ vào mức lương khoán, để đóng bảo hiểm cho người lao động, mức lương khoán không thuộc diện phải đóng bảo hiểm xã hội vì lương khoán được trả theo hợp đồng giao khoán việc, chủ yếu là theo thời vụ. Do đó bà Phạm Thị T yêu cầu BHXH phải thanh toán mức tiền lương khoán là không có căn cứ. Vì vậy, HĐXX không chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị T đòi BHXH phải trả số tiền lương khoán là 15.496.000 đồng.

- Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện là đề nghị Bảo hiểm xã hội tỉnh Yên Bái phải tính đủ thời gian công tác cho bà T là tròn 13 năm chứ không phải là 10 năm 02 tháng (tháng 11/1984-đến tháng 12/1993) như khởi kiện ban đầu. Yêu cầu bổ sung của nguyên đơn không vượt quá yêu cầu khởi kiện do đó cần chấp nhận yêu cầu bổ sung.

Xét thấy: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ và lời trình bày của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện bà T có thời gian công tác từ tháng 11 năm 1983 đến tháng 12 năm 1993 thì nghỉ. Từ năm 1994 trở đi thì bà T không tham gia đóng Bảo hiểm Xã hội. Nay người đại diện yêu cầu tính tiếp thêm thời gian đóng BHXH của bà T từ năm 1994 - năm 1996 (làm tròn là 13 năm) là không có cơ sở. Vì bà T đã nghỉ việc từ năm 1993 đến năm 1998 mới giải quyết yêu cầu BHXH thanh toán trợ cấp một lần là do Xí nghiệp mới cung cấp được hồ sơ của bà T cho BHXH. Vì vậy, thời gian đợi thủ tục làm hồ sơ (từ năm 1994 đến năm 1998) không được tính vào thời gian công tác và đóng bảo hiểm của bà T. Do đó thời gian công tác của bà T được xác định là 10 năm 02 tháng là đúng, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

[3] Về án phí: Bà Phạm Thị T không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273. Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 28, 29, 37 Điều lệ bảo hiểm xã hội 1995 ban hành kèm theo Nghị định số 12 ngày 26/1/1995; Thông tư số 06/TT-LĐTBXH ngày 04-4-1995 của Bộ lao động thương binh và xã hội;

Căn cứ khoản 3, 4 Điều 145 của Bộ luật lao động năm 1994;

Căn cứ khoản 2 Điều 202 Bộ luật Lao động năm 2012;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 12 nghị quyết 326/2027/ UBTVQH ngày 30 -12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T về việc yêu cầu Bảo hiểm xã hội tỉnh Yên Bái phải thanh toán cho bà các khoản tiền, gồm: Phụ cấp khu vực là 2.980.000 đồng và tiền lương khoán: là 15.496.000 đồng.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị T không phải chịu án phí sơ thẩm lao động.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày tổng đạt hợp lệ.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30- Luật thi hành án dân sự”*

#### **Nơi nhận:**

- Tòa án ND tỉnh Yên Bái;
- Các đương sự ;
- VKSND thành phố Yên Bái;
- Chi cục THADS thành phố Yên Bái;
- Lưu hồ sơ; TA; HCTP./.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Chủ tọa phiên tòa**

**(đã ký)**

**Trần Thị Độ**